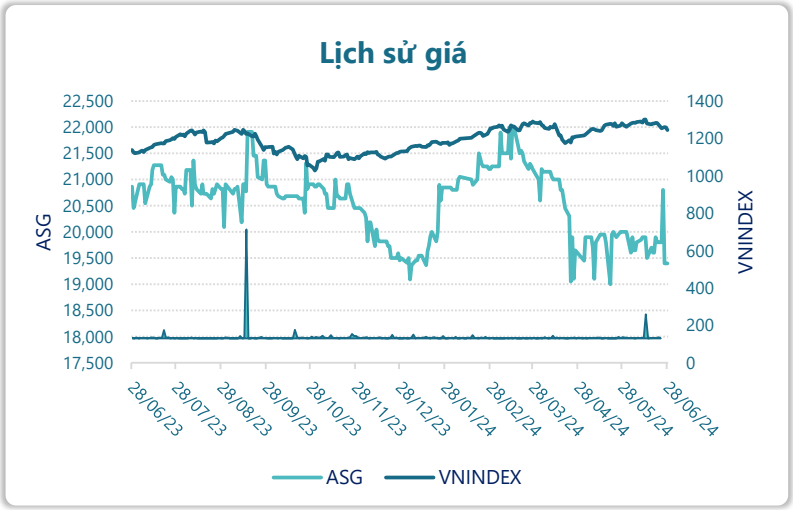
FireAnt

CTCP Tập đoàn ASG (HSX: ASG)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,000
SL cổ phiếu LH	90,784,669
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,570
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,761
P/E	64.8
EPS	300

DT thuần

Q2/24

457

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -2.1%

YoY: ▼12.0| -2.5%

LN sau thuế

Q2/24

29.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 1341%

YoY: ▲ 24.2| 508%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

10.2%

+/- YoY: ▲ 3.8%

DT thuần

6T 2024

924

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 0.8%

LN sau thuế

6T 2024

31.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18.1| 141%

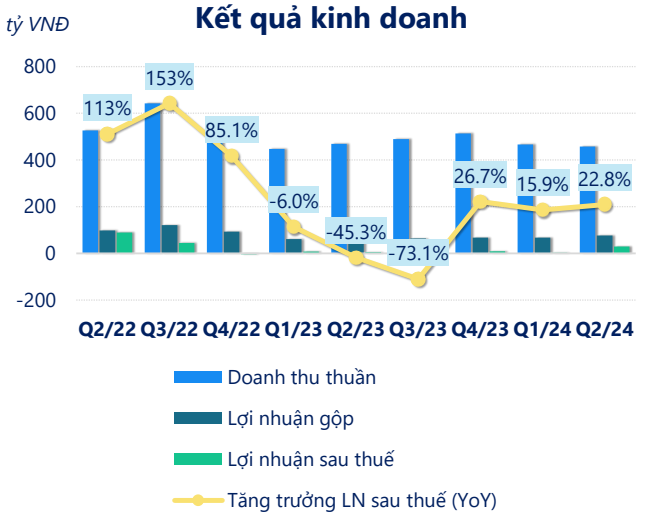
ROE

Q2/24

1.4%

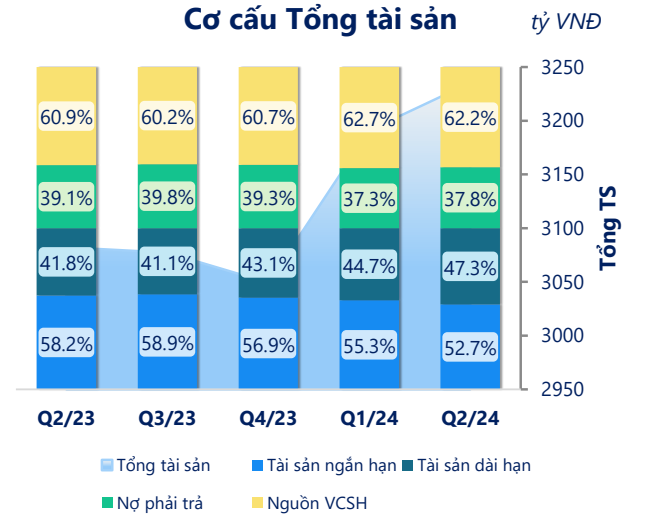
+/- YoY: ▲ 2.1%

Kết quả kinh doanh



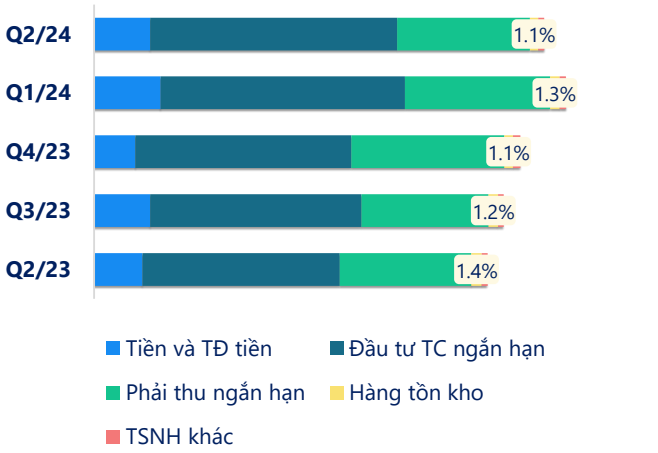
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



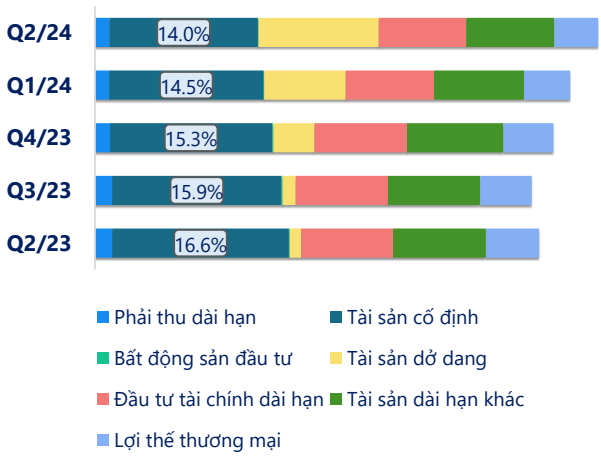
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



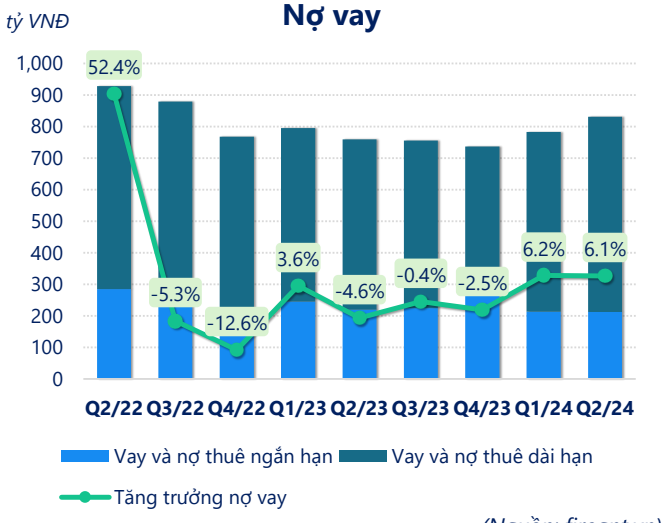
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



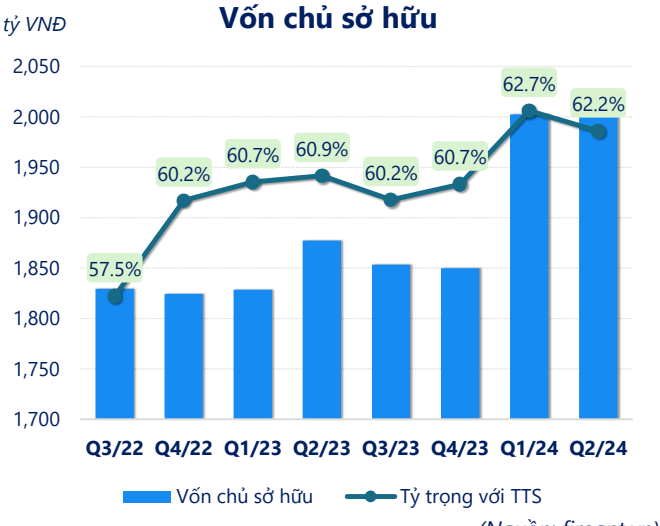
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



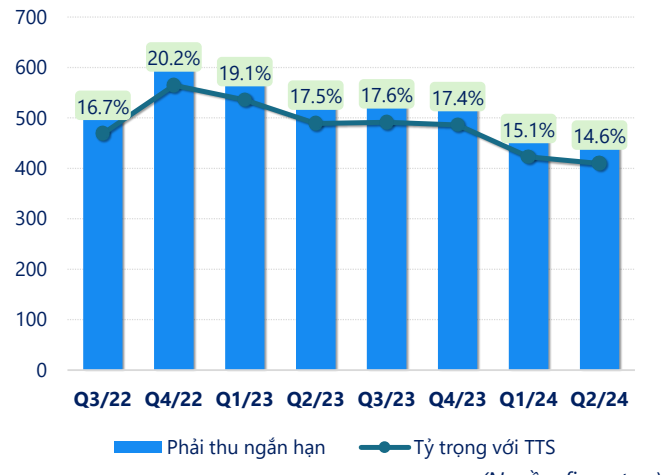
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



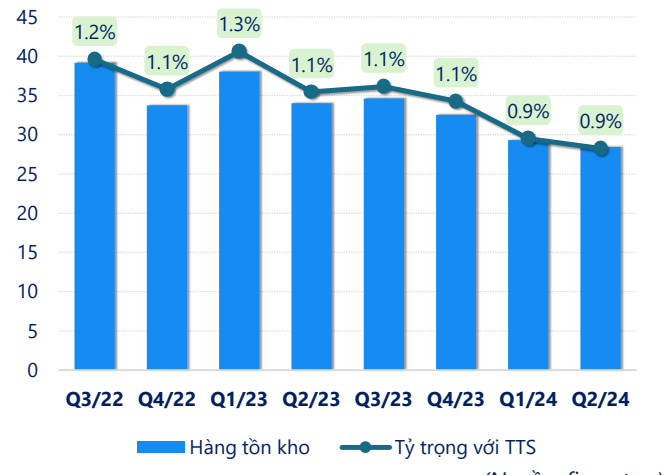
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



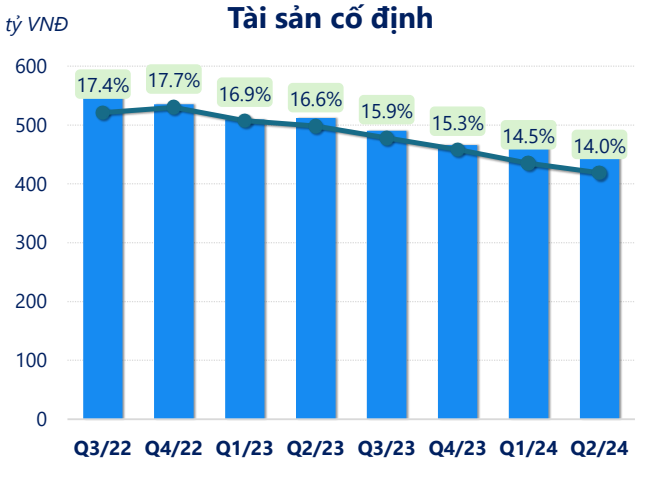
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



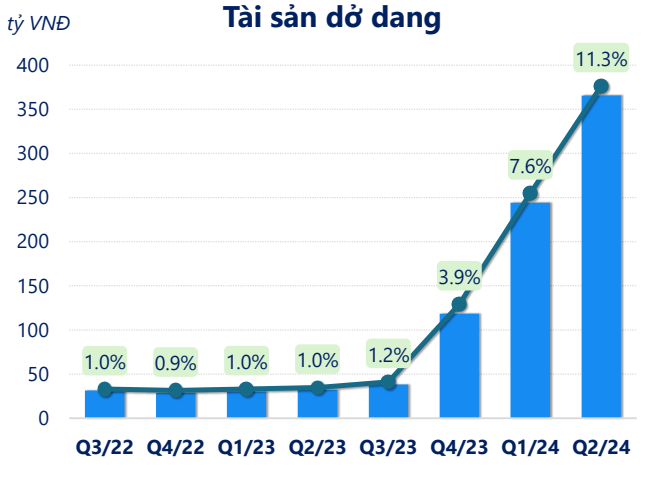
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



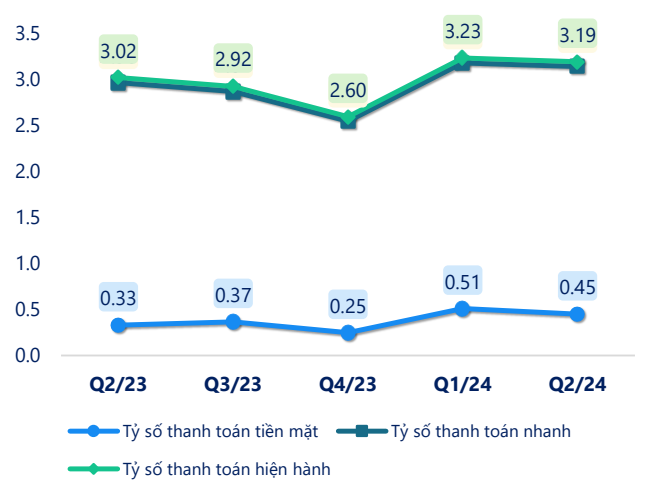
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**3,082**	**3,077**	**3,049**	**3,191**	**3,235**
Tài sản ngắn hạn	**1,795**	**1,814**	**1,735**	**1,765**	**1,705**
Tiền và tương đương tiền	196	227	166	279	239
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,002	988	983	953	940
Phải thu ngắn hạn	538	540	529	482	473
Hàng tồn kho	34.0	34.6	32.5	29.3	28.4
Tài sản ngắn hạn khác	24.6	23.8	24.5	22.9	24.0
Tài sản dài hạn	**1,287**	**1,264**	**1,315**	**1,426**	**1,530**
Phải thu dài hạn	49.9	49.7	42.8	42.7	43.7
Tài sản cố định	512	490	466	463	452
Bất động sản đầu tư	3.11	2.90	2.71	2.50	2.28
Tài sản dở dang	32.3	38.1	118	244	365
Đầu tư tài chính dài hạn	266	267	265	266	266
Tài sản dài hạn khác	269	267	277	270	268
Lợi thế thương mại	154	149	144	138	133
Nợ phải trả	**1,205**	**1,224**	**1,200**	**1,189**	**1,224**
Nợ ngắn hạn	**594**	**620**	**669**	**546**	**534**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	219	224	278	213	212
Phải trả người bán ngắn hạn	243	233	279	210	207
Nợ dài hạn	611	604	531	643	690
Vay và nợ thuê dài hạn	539	531	459	570	619
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,877**	**1,853**	**1,850**	**2,002**	**2,011**
Vốn chủ sở hữu	**1,877**	**1,853**	**1,850**	**2,002**	**2,011**
Vốn điều lệ	757	757	757	908	908
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)